TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-PT
Ngày 11/8/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
- Ông Nguyễn Trung Thông.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21/4/2022, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

Do bản án sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐ-PT ngày 06/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QQĐ-PT ngày 11/7/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1990. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Nguyễn, xã Mai Đình, huyện H, tỉnh B.
* *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thùy D, sinh năm 1992. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Nguyễn, xã Mai Đình, huyện H, tỉnh B.
* *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị Thùy D- là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/7/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại Tòa án nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thùy D kết hôn được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện H vào ngày 04/3/2015. Gia đình có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống tại địa phương. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh ở thôn Nguyễn, xã Mai Đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc cho vợ chồng, nhưng mối quan hệ của vợ chồng anh không thay đổi. Dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý các con. Đến năm 2017 vợ chồng sinh cháu thứ hai được hơn 1 tuổi thì chị D cùng con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ của chị D ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị D không còn, không thể chung sống với nhau được nữa vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 17/8/2015 và cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 16/8/2017, hiện nay cháu Anh đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Minh đang ở với chị D, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh vì anh xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Hiện nay, anh đang là giáo viên trường tiểu học Mai Đình số 1, lương hàng tháng của anh là 5.700.000đ, ngoài ra anh còn đi làm thêm (ca hát trong các buổi sự kiện) thu nhập bình quân 20 triệu đồng/1tháng, tổng cộng thu nhập của anh khoảng 25.700.000đ/1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (chị Trần Thị Thùy D) trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện H vào ngày 04/3/2015. Sau khi cưới thì chị về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khi chị sinh con thứ 2 vào năm 2017 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, chị và anh Đ không còn tình cảm với nhau nữa. Người phụ nữ mà anh Đ có quan hệ ngoại tình tên là Nga ở Bắc Ninh, còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không biết. Chị biết anh Đ ngoại tình là do chị thấy anh Đ nhiều lần đưa chị Nga về gia đình và chị nhìn thấy nhiều hình ảnh trên mạng. Các tài liệu này chị sẽ nộp cho Tòa án sau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2017 đến nay. Thời gian đầu anh Đ vẫn qua lại thăm chị và con, tuy nhiên sau đó thưa dần. Anh Đ có sang đón chị về đoàn tụ, chị cũng đã về đoàn tụ cùng anh Đ. Nhưng vì anh Đ không thay đổi tính nết, tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị về đoàn tụ với anh Đ 02 lần rồi sau đó lại không thể tiếp tục chung sống được với anh Đ nên chị lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Lần cuối cùng chị về đoàn tụ cùng

anh Đ là năm 2019. Vợ chồng không sống cùng nhau từ năm 2019 đến nay.Từ đó đến nay anh Đ không còn quan tâm gì đến chị, cũng không còn quan tâm đến con hiện đang ở cùng với chị nữa. Gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không được. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn, nhưng vì con chị cũng tha thứ cho anh Đ, anh Đ phải chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ khác. Nếu không thì chị cũng không thể tha thứ và chấp nhận cuộc sống vợ chồng với anh Đ được.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 17/8/2015 và cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 16/8/2017, hiện nay cháu Anh đang ở với anh Đ, cháu Minh đang ở với chị, cháu lớn vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; cháu nhỏ Nguyễn Nhật Minh lúc nhỏ bị phình đại tràng bẩm sinh, hiện nay tình trạng của cháu đã ổn, nhưng thường xuyên phải dùng thuốc. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Hiện nay chị là giáo viên Trường mầm non Mai Đình, huyện H, công việc của chị ổn định, mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 5 triệu đồng/1 tháng. Hiện nay chị và con đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị, có chỗ ở ổn định. Ngoài ra, gia đình bố mẹ đẻ còn 02 mảnh đất nữa, nếu chị có nhu cầu thì bố mẹ chị cũng cho chị sử dụng. Trường hợp chị nuôi cả 2 đứa con thì chị cũng không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, còn tùy tâm anh Đ cho con bao nhiêu hàng tháng thì cho, chị không yêu cầu. Hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị D xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn Đ được ly hôn chị Trần Thị Thùy D.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tuấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 17/8/2015; chị Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 16/8/2017. Anh Nguyễn Tuấn Đ và chị Trần Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Tuấn Đ, chị Trần Thị Thùy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/3/2022 chị Trần Thị Thùy D kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Chị không đồng ý với việc anh Nguyễn Tuấn Đ được nuôi con, làm tổn thương con chị. Lý do chính là anh Đ ngoại tình và dẫn đến việc anh chị ly hôn. Mong tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn Đ không rút đơn khởi kiện và bị đơn là chị Trần Thị Thùy D không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn Đ trình bầy: Anh không đồng ý với nội dung kháng cáo của chị D, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Chị Trần Thị Thùy D trình bày: Chị không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, chị không đồng ý ly hôn với anh Đ, anh Đ đã ngoại tình dẫn đến vợ chồng ly hôn chị không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Giao cho anh Nguyễn Tuấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 17/8/2015; chị Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 16/8/2017. Anh Nguyễn Tuấn Đ và chị Trần Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu

Chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh chị Trần Thị Thùy D được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Do đó, kháng cáo của chị Trần Thị Thùy D là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về thẩm quyền: anh Nguyễn Tuấn Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị D, chị D và anh Đ đều cư trú tại xã Mai Định, huyện H, tỉnh B, đây xác định là quan hệ tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo, không đồng ý ly hôn và đề nghị được nuôi cả hai con chung của chị Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua các chứng cứ, lời khai do các bên xuất trình được biết: Anh Nguyễn Tuấn Đ và chị Trần Thị Thùy D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện H ngày 04/3/2015, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh Đ và chị D có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được. Năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù đã được gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2017 chị D đã chuyển ra khỏi nhà anh Đ, về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh Đ có đón chị D về 02 lần nhưng tình cảm vợ chồng không hòa hợp được, chị D lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở; vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Đ có đơn xin ly hôn, chị D xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn nhưng vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ vì con, chị D xác định anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nếu anh Đ thay đổi không còn quan hệ ngoại tình nữa thì chị D đồng ý về đoàn tụ, anh Đ xác định không ngoại tình như lời chị D trình bày, không còn tình cảm với chị D và không mong muốn về đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị D là có căn cứ và phù hợp.

[3.1]. Về nuôi con chung: Anh Đ và chị D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 17/8/2015 và cháu Nguyễn Nhật Minh, sinh ngày 16/8/2017, hiện nay cháu Nhật Anh đang ở với anh Đ, cháu Minh đang ở với chị D, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn cả anh Đ và chị D đều đề nghị được nuôi cả 02 con chung của vợ chồng và không yêu cầu phía không nuôi con chung phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét, thấy cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung, chị D và anh Đ đều có nghề nghiệp ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, hiện nay mỗi người đều đã nuôi 01 con chung của vợ chồng, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, cần tiếp tục giao cho mỗi người nuôi 01 con chung và giữ nguyên như hiện nay là phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp. Anh Đ, chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con*:* Anh Đ, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, mặt khác mỗi người nuôi 01 con chung của vợ chồng nên cần được chấp nhận.

[3.2]. Tại cấp phúc thẩm chị D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới mà chỉ trình bày không đồng ý ly hôn vì các con, chị cũng không còn tình cảm với anh Đ nữa, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị D.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Thùy D, giữ bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị D không được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 luật tố tụng dân sự. Không nhận kháng cáo của chị Trần Thị Thùy D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2022/HNGĐ-ST ngày 07/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007935 ngày 25/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận chị D đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hiền **Nguyễn Trung Thông** **Trần Thị Hà**

Nơi nhận:
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà